

Số: 16 /2024/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 14 tháng 6 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường chính Bộ quả cân chuẩn F1 (1-2-2-5-10)kg**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đo lường;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ quy định quy trình xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BKHCN ngày 21 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia; xây dựng quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường chính Bộ quả cân chuẩn F1 (1-2-2-5-10)kg.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày <sup>24</sup> tháng 6 năm 2024.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ba*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ KH&CN;
- Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT.TU; TT. HĐND, UBNDTQVN tỉnh;
- VP Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VP UBND tỉnh: Các PCVP; TTTT;
- Lưu: VT, NĐ (TT). *ba*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hoàng Xuân Ánh**

**QUY ĐỊNH****Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường chính Bộ quả cân chuẩn F1 (1-2-2-5-10)kg**

(Kèm theo Quyết định số: **16**/2024/QĐ-UBND ngày **14** tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường chính Bộ quả cân chuẩn F1 (1-2-2-5-10) kg.

**2. Đối tượng áp dụng**

Cơ quan, tổ chức thực hiện việc thiết lập, duy trì, bảo quản, sử dụng các chuẩn đo lường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện dịch vụ duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường chính và cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước về đo lường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. *Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường chính* là dịch vụ công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, do đơn vị sự nghiệp công thực hiện, phục vụ quản lý nhà nước về đo lường, được Nhà nước bảo đảm kinh phí thực hiện.

2. *Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường chính – Bộ quả cân chuẩn F1 (1-2-2-5-10)kg* là mức hao phí cần thiết về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư để hoàn thành một đơn vị sản phẩm (hoặc một khối lượng công việc nhất định) trong điều kiện cụ thể phục vụ quản lý nhà nước.

3. Các từ ngữ khác được hiểu theo quy định tại Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011, Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quy trình xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, Thông tư số 04/2022/TT-BKHCN ngày 21 tháng 5 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia; xây dựng quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

### **Điều 3. Nội dung của định mức kinh tế - kỹ thuật**

Theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 04/2022/TT-BKHCN ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia; xây dựng quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường, cụ thể như sau:

#### **1. Định mức lao động**

<b>TT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Định mức công (thực hiện trong 01 năm)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Lao động trực tiếp		
1.1	Công việc 1: Kiểm soát điều kiện môi trường và các điều kiện kỹ thuật khác (Trình độ kỹ sư hạng III, mã số V05.02.07, bậc 2/9)	3,5	
1.2	Công việc 2: Liên kết chuẩn hoặc so sánh chuẩn đo lường chính - Bộ quả cân chuẩn F1 (1-2-2-5-10)kg với chuẩn quốc gia (Trình độ kỹ sư hạng III, mã số V05.02.07, bậc 2/9)	5	
1.3	Công việc 3: Hiệu chuẩn hoặc so sánh để sao truyền độ chính xác của chuẩn đo lường chính - Bộ quả cân chuẩn F1 (1-2-2-5-10)kg đến chuẩn đo lường có độ chính xác thấp hơn (Trình độ kỹ sư hạng III, mã số V05.02.07, bậc 2/9)	15,5	
1.4	Công việc 4: Đánh giá hệ thống chuẩn đo lường chính - Bộ quả cân chuẩn F1 (1-2-2-5-10)kg định kỳ và đột xuất. (Trình độ kỹ sư hạng III, mã số V05.02.07, bậc 2/9)		
	Định mức công lao động có chuyên môn (Trình độ kỹ sư hạng III, mã số V05.02.07, bậc 2/9)	7,5	
	Đánh giá xác định độ ổn định	2,5	
	Công tác báo cáo thường xuyên, định kỳ	5	
2	Lao động gián tiếp		
	- Định mức lao động gián tiếp là thời gian lao động cần thiết để hoàn thành công việc duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường chính – Bộ quả cân chuẩn F1 (1-2-2-5-10)kg theo quy định. - Định mức lao động gián tiếp quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của định mức lao động trực tiếp. Định mức lao động gián tiếp bằng 10% định mức lao động trực tiếp.		

## 2. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức thiết bị (thực hiện trong 01 năm)	
1	Công việc 1: Kiểm soát điều kiện môi trường và các điều kiện kỹ thuật khác				
1.1	Điều hòa nhiệt độ	Ca	12.000 BTU	17520	
1.2	Máy hút ẩm	Ca	100 lít/ngày; 1000W	1095	
1.3	Nhiệt kế	Ca	(0-50)°C	1095	
1.4	Ẩm kế	Ca	(10-90)%RH	1095	
1.5	Áp kế	Ca	(0-1.5) bar Abs	10 95	
1.6	Máy tính để bàn	Ca	Loại thông dụng	12	
1.7	Máy in laser	Ca	In A4, 2 mặt	12	
2	Công việc 2: Liên kết chuẩn hoặc so sánh chuẩn đo lường chính - Bộ quả cân chuẩn F1 (1-2-2-5-10)kg với chuẩn quốc gia				
2.1	Máy tính để bàn	Ca	Loại thông dụng	20	
2.2	Máy in laser	Ca	In A4, 2 mặt	20	
3	Công việc 3: Hiệu chuẩn hoặc so sánh để sao truyền độ chính xác của chuẩn đo lường chính - Bộ quả cân chuẩn F1 (1-2-2-5-10)kg đến chuẩn đo lường có độ chính xác thấp hơn				
3.1	Máy tính để bàn	Ca	Loại thông dụng	40	
3.2	Máy in laser	Ca	In A4, 2 mặt	40	
4	Công việc 4: Đánh giá hệ thống chuẩn đo lường chính - Bộ quả cân chuẩn F1 (1-2-2-5-10)kg định kỳ và đột xuất.				
4.1	Máy tính để bàn	Ca	Loại thông dụng	40	
4.2	Máy in laser	Ca	In A4, 2 mặt	40	

## 3. Định mức vật tư

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư (thực hiện trong 1 năm)	
				Sử dụng	Tiêu hao
1	Công việc 1: Kiểm soát điều kiện môi trường và các điều kiện kỹ thuật khác				
1.1	Điện năng (nhiên liệu)	kW	220VAC- 50Hz	79 000	79 000
1.2	Bảo hộ lao động	Bộ		02	02

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Định mức vật tư (thực hiện trong 1 năm)	
				Sử dụng	Tiêu hao
1.3	Giấy	Gram	A4	05	05
1.4	Bút bi	Hộp		01	01
1.5	Ghim	Hộp		01	01
1.6	Sổ ghi chép	Quyển		01	01
2	Công việc 2: Liên kết chuẩn hoặc so sánh chuẩn đo lường chính - Bộ quả cân chuẩn F1 (1-2-2-5-10)kg với chuẩn quốc gia				
2.1	Điện năng (nhiên liệu)	kW	220VAC-50Hz	40	40
3	Công việc 3: Hiệu chuẩn hoặc so sánh để sao truyền độ chính xác của chuẩn đo lường chính - Bộ quả cân chuẩn F1 (1-2-2-5-10)kg đến chuẩn đo lường có độ chính xác thấp hơn				
3.1	Điện năng (nhiên liệu)	kW	220VAC-50Hz	400	400
4	Công việc 4: Đánh giá hệ thống chuẩn đo lường chính - Bộ quả cân chuẩn F1 (1-2-2-5-10)kg định kỳ và đột xuất.				
4.1	Điện năng (nhiên liệu)	kW	220VAC-50Hz	40	40

#### **Điều 4. Trách nhiệm thi hành**

##### 1. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Giao Trung tâm Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ là đơn vị giữ chuẩn đo lường chính ở địa phương.

b) Kiểm tra, thanh tra theo thẩm quyền việc áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ trên địa bàn quản lý.

c) Hướng dẫn các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Tuyên truyền, phổ biến và phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện Quy định này.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn hoặc dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định của văn bản mới. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.